



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax advisory
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Mai Văn Minh	Thành viên (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 09 tháng 05 năm 2022)
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Chủ tịch (Từ ngày 09 tháng 05 năm 2022)
Bà Trịnh Thị Lan Phương	Phó Chủ tịch (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 09 tháng 05 năm 2022)
Ông Nguyễn Minh Chung	Thành viên (Từ ngày 09 tháng 05 năm 2022)
	Thành viên
	Thành viên (Từ ngày 06 tháng 05 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Văn Minh	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Chung	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Văn Minh - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Số: 076/VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2023, từ trang 04 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (dưới đây gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		162.352.183.929	143.988.172.229
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2	16.983.358.787	6.654.091.279
1. Tiền	111		2.983.358.787	3.654.091.279
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	3	11.000.000.000	10.777.753.967
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.000.000.000	10.777.753.967
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.944.949.405	22.758.295.791
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	8.003.001.606	13.610.640.188
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	336.304.924	8.320.337.188
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.042.132.483	1.183.350.276
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(436.489.608)	(356.031.861)
IV. Hàng tồn kho	140	9	122.622.324.659	101.377.986.616
1. Hàng tồn kho	141		122.622.324.659	101.377.986.616
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.801.551.078	2.420.044.576
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	96.190.930	260.234.918
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.705.360.148	1.580.382.098
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	-	579.427.560
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.147.850.561	70.508.824.835
I. Tài sản cố định	220		47.185.322.826	49.390.586.172
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	47.185.322.826	49.390.586.172
- Nguyên giá	222		109.705.831.316	105.389.714.044
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.520.508.490)	(55.999.127.872)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		120.000.000	120.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.000.000)	(120.000.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		648.669.477	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		648.669.477	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	3	20.039.000.000	20.039.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		20.039.000.000	20.039.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.274.858.258	1.079.238.663
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.274.858.258	1.079.238.663
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		231.500.034.490	214.496.997.064

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		62.902.092.069	49.756.308.238
I. Nợ ngắn hạn	310		62.902.092.069	49.656.308.238
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	15.066.655.248	15.609.491.679
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	8.418.112.811	2.833.066.988
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	777.963.802	543.934.647
4. Phải trả người lao động	314		4.132.695.409	4.200.365.438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.247.236.224	1.020.503.249
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		38.407.066	87.096.911
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	29.215.112.368	21.706.342.793
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.005.909.141	3.655.506.533
II. Nợ dài hạn	330		-	100.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	-	100.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.597.942.421	164.740.688.826
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	168.597.942.421	164.740.688.826
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	94.922.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.922.000.000	94.922.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.308.385.772	10.119.092.734
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.367.556.649	59.699.596.092
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		48.474.792.689	47.323.857.506
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		13.892.763.960	12.375.738.586
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		231.500.034.490	214.496.997.064


Lê Thị Nhung
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2023


Trịnh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng




Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		264.612.370.772	264.393.246.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.388.415.134	2.568.728.366
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	263.223.955.638	261.824.517.953
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	224.220.525.074	226.743.886.892
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		39.003.430.564	35.080.631.061
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.878.437.066	2.224.252.106
7. Chi phí tài chính	22	24	3.909.394.908	3.296.461.499
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		683.358.990	238.974.610
8. Chi phí bán hàng	25	25	5.909.885.943	4.964.924.493
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	15.203.265.302	13.814.864.092
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		16.859.321.477	15.228.633.083
11. Thu nhập khác	31		406.675.556	91.099.010
12. Chi phí khác	32		42.084	58.860
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		406.633.472	91.040.150
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.265.954.949	15.319.673.233
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.373.190.989	2.943.934.647
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		13.892.763.960	12.375.738.586
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.464	1.252

Lê Thị Nhung
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Trịnh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	291.956.160.951	277.647.757.591
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(245.578.991.162)	(239.743.979.030)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.367.468.400)	(19.307.944.804)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(681.212.303)	(222.346.808)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.144.135.004)	(3.150.238.544)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.718.937.112	1.669.145.665
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.576.539.138)	(11.414.436.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.326.752.056	5.477.957.736
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.625.786.749)	(2.010.743.175)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	550.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(46.364.594.794)	(10.777.753.967)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	46.142.348.761	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.934.622.375	430.319.164
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.913.410.407)	(12.357.627.978)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	94.857.822.929	77.465.673.579
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(87.449.053.354)	(63.743.869.067)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.492.200.000)	(9.492.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.083.430.425)	4.229.604.512
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	10.329.911.224	(2.650.065.730)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.654.091.279	9.312.574.534
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(643.716)	(8.417.525)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	16.983.358.787	6.654.091.279

Lê Thị Nhung
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Trịnh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13/01/2004; Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 26/04/2018. Công ty có trụ sở tại số 734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 94.922.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 164 người (Tại ngày 31/12/2021 là 173 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và buôn bán các loại quạt dân dụng, quạt công nghiệp và lồng quạt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Thông tin trên báo cáo tài chính của Công ty có thể so sánh được.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty có công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
1	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan	Số 20 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng và các loại máy móc, công cụ được không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân loại lại với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Số năm khấu hao
(Năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 32
Máy móc, thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan trong năm là:

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan

Lãnh đạo chủ chốt
Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	529.027.596	921.430.280
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.454.331.191	2.732.660.999
Các khoản tương đương tiền (i)	14.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	16.983.358.787	6.654.091.279

Ghi chú:

- (i) Khoản chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu	-	-	10.777.753.967	10.777.753.967
Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng (i)	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-

Ghi chú:

- (i) Các hợp đồng tiền gửi này đều được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay:
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2022/VCB HP-DHP ngày 29/04/2022, số tiền 2.000.000.000 VND; kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,5%/năm.
 - Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn số 011122-01-ĐC-VPB ngày 01/11/2022, số tiền 2.000.000.000 VND; kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 7,9%/năm.
 - Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn số 031122-01-ĐC-VPB ngày 03/11/2022, số tiền 5.000.000.000 VND; kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 8%/năm.
 - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 181022-01-ĐC-VPB ngày 18/10/2022, số tiền 2.000.000.000 VND; kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 7,7%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan (i)	20.039.000.000	-	(*)	20.039.000.000	-	(*)

Ghi chú:

- (*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31/12/2022 như sau:

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan thành lập ngày 18/12/2018, có trụ sở tại số 20 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, vốn điều lệ 40.895.700.000 VND. Công ty góp 20.039.000.000 VND tương ứng với 49% vốn điều lệ bằng quyền sử dụng đất 572,4 m² và tài sản trên đất tại 20 Đinh Tiên Hoàng. Tỷ lệ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ phân chia rủi ro và lợi nhuận là 50:50.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

(i) Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31/12/2022 như sau (Tiếp theo):

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan thành lập để đầu tư xây dựng và kinh doanh Dự án tòa nhà thương mại Phong Lan tại địa chỉ 20 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Trong năm 2022, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường, có lãi lũy kế và trong năm có giao dịch chia cổ tức cho Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xây dựng Phú Đức Phát	811.723.230	1.585.764.348
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Việt Khoa	790.478.239	1.000.012.605
Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất	1.640.718.720	2.826.536.922
Công ty TNHH Một thành viên Quang điện - Điện tử	2.177.874.000	1.351.198.200
Công ty TNHH Hà Nội Chặng Hai	1.427.857.831	4.207.007.350
Các đối tượng khác	1.154.349.586	2.640.120.763
Cộng	<u>8.003.001.606</u>	<u>13.610.640.188</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Khuôn mẫu Hải Phòng	-	320.000.000
ANK Company	-	7.140.888.820
Các đối tượng khác	336.304.924	859.448.368
Cộng	<u>336.304.924</u>	<u>8.320.337.188</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.042.132.483</i>	-	<i>1.183.350.276</i>	-
Tạm ứng	93.671.000	-	142.283.557	-
Phải thu khác	948.461.483	-	1.041.066.719	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	400.000.000	-	600.000.000	-
- Lãi dự thu	183.156.164	-	320.272.604	-
- Phải thu khác	365.305.319	-	120.794.115	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dây - Cáp và Vật liệu điện Kevin	219.062.690	-	219.062.690	-
Công ty TNHH Trương Hoàng Phương	59.927.800	-	-	-
Cửa hàng Tuấn Dung	13.185.117	-	-	-
Công ty Cổ phần Điện cơ 1991	119.012.498	-	119.012.498	-
Doanh nghiệp tư nhân Điện cơ Tây Đô	9.282.625	-	9.282.625	-
Công ty Cổ phần Việt Hàn	6.330.516	-	6.330.516	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quạt điện Việt Nam	4.687.062	-	4.687.061	2.343.529
Bán linh kiện	5.001.300	-	-	-
Cộng	436.489.608	-	358.375.390	2.343.529

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.832.999.885	-	35.631.787.925	-
Công cụ dụng cụ	309.009.109	-	281.940.137	-
Chi phí SXKD dở dang	11.083.907.449	-	9.332.813.989	-
Thành phẩm	42.985.263.138	-	52.027.634.267	-
Hàng hóa	19.411.145.078	-	4.103.810.298	-
Cộng	122.622.324.659	-	101.377.986.616	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	96.190.930	260.234.918
Thuê cửa hàng	-	110.000.000
Các khoản chi phí khác	96.190.930	150.234.918
Dài hạn	1.274.858.258	1.079.238.663
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	684.155.252	450.536.297
Chi phí sửa chữa	386.872.277	495.849.145
Các khoản chi phí khác	203.830.729	132.853.221
Cộng	1.371.049.188	1.339.473.581

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	67.443.217.249	31.151.586.423	6.653.003.952	141.906.419	105.389.714.044
Mua sắm mới	-	4.258.323.636	-	57.793.636	4.316.117.272
Tại ngày cuối năm	67.443.217.249	35.409.910.059	6.653.003.952	199.700.055	109.705.831.316
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	29.057.557.228	22.145.238.246	4.687.042.798	109.289.600	55.999.127.872
Khấu hao trong năm	3.015.800.733	2.981.335.248	501.689.818	22.554.818	6.521.380.618
Tại ngày cuối năm	32.073.357.961	25.126.573.494	5.188.732.616	131.844.418	62.520.508.490
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	38.385.660.022	9.006.348.177	1.965.961.154	32.616.819	49.390.586.172
Tại ngày cuối năm	35.369.859.288	10.283.336.565	1.464.271.336	67.855.637	47.185.322.826

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 38.669.972.052 VND (Tại ngày 31/12/2021 là 46.421.628.042 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 32.216.196.684 VND (Tại ngày 31/12/2021 là 10.325.238.614 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	120.000.000	120.000.000
Tại ngày cuối năm	120.000.000	120.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	120.000.000	120.000.000
Tại ngày cuối năm	120.000.000	120.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 120.000.000 VND (Tại ngày 31/12/2021 là 120.000.000 VND).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Tân Thành	1.570.309.994	1.570.309.994	1.966.136.799	1.966.136.799
Công ty TNHH Mitsubishi Electric Việt Nam	3.950.284.026	3.950.284.026	1.736.100.080	1.736.100.080
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xuất nhập khẩu Lụa Tuyết	-	-	1.988.255.159	1.988.255.159
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sao Đỏ	1.606.236.290	1.606.236.290	1.245.882.040	1.245.882.040
Công ty TNHH Chuẩn Tín	2.824.462.560	2.824.462.560	936.760.000	936.760.000
Công ty CP Thương mại Ngũ Phúc	40.754.993	40.754.993	1.956.585.641	1.956.585.641
Phải trả các đối tượng khác	5.074.607.385	5.074.607.385	5.779.771.960	5.779.771.960
Cộng	15.066.655.248	15.066.655.248	15.609.491.679	15.609.491.679

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Cửa hàng Hưng Chanh	1.600.007.416	2.029.654.748
Công ty TNHH Thiết bị điện Dung Quang	1.201.201.822	15.540.148
Công ty TNHH Thương mại Phát triển Thiết bị điện Minh Hưng	3.751.397.847	-
Đối tượng khác	1.865.505.726	787.872.092
Cộng	8.418.112.811	2.833.066.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	543.934.647	3.686.554.721	3.452.525.566	777.963.802
Thuế xuất, nhập khẩu	-	303.390.562	303.390.562	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	543.934.647	3.373.391.346	3.144.135.004	773.190.989
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.772.813	-	4.772.813
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phải thu	579.427.560	3.642.619.764	3.063.192.204	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	444.320.100	1.525.498.671	1.081.178.571	-
Thuế giá trị gia tăng	7.734.445	1.475.515.783	1.467.781.338	-
Thuế thu nhập cá nhân	127.373.015	641.605.310	514.232.295	-

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi tiền vay	31.432.862	29.286.175
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	1.215.803.362	991.217.074
Cộng	1.247.236.224	1.020.503.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	29.215.112.368	29.215.112.368	87.449.053.354	94.957.822.929	21.706.342.793	21.706.342.793
Vay ngắn hạn	29.115.112.368	29.115.112.368	87.249.053.354	94.857.822.929	21.506.342.793	21.506.342.793
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng (i)	9.043.335.358	9.043.335.358	68.250.928.209	55.787.920.774	21.506.342.793	21.506.342.793
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	20.071.777.010	20.071.777.010	18.998.125.145	39.069.902.155	-	-
	-	-				
Vay dài hạn đến hạn trả	100.000.000	100.000.000	200.000.000	100.000.000	200.000.000	200.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng (iii)	100.000.000	100.000.000	200.000.000	100.000.000	200.000.000	200.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng (iii)	-	-	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000

Ghi chú:

- (i) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022 - HĐCVHM/NHCT166-ĐIENCOHP ngày 04/01/2022 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng, chi tiết như sau:
- Hạn mức tối đa được giải ngân: 50.000.000.000 VND.
 - Mục đích sử dụng khoản vay: Bổ sung vốn lưu động, mở và thanh toán L/C nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh.
 - Thời hạn vay: Tối đa không quá 05 tháng.
 - Lãi suất: Thả nổi theo từng lần nhận nợ theo khế ước nhận nợ.
 - Tài sản thế chấp: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo các Hợp đồng thế chấp tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cho vay hạn mức 01.2022/HĐCVHM/VCB-HAPEMCO ngày 26/05/2022, chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 VND.
- Thời hạn vay mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng.
- Lãi suất cho vay trong hạn theo thông báo lãi suất cho vay trên từng giấy ghi nợ.
- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi số 011122-01-ĐC-VPB ngày 01/11/2022, số 031122-ĐC-VPB ngày 03/11/2022, số 181022-01-ĐC-VPB ngày 18/10/2022, số 01/2022/VCB HP-DHP ngày 29/04/2022.

(iii) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồng Bàng theo Hợp đồng hạn mức số 01/2018–HĐCVDADT/NHCT-166 -ĐCHP ngày 19/11/2018, chi tiết như sau :

- Hạn mức: Tối đa 2.208.850.000 VND.
- Mục đích vay: Thực hiện dự án - Đầu tư máy móc thiết bị khuôn mẫu năm 2018.
- Lãi suất: Thả nổi.
- Tài sản thế chấp: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo các Hợp đồng thế chấp tài sản.

Các khoản vay dài hạn ngân hàng được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	100.000.000	200.000.000
Trong năm thứ hai	-	100.000.000
Cộng	100.000.000	300.000.000
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>	<i>100.000.000</i>	<i>200.000.000</i>
Số phải trả sau 12 tháng	-	100.000.000

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>LNST chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm trước	94.922.000.000	8.994.044.404	58.468.191.092	162.384.235.496
Lãi trong năm	-	-	12.375.738.586	12.375.738.586
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.180.095.418	(1.180.095.418)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(472.038.168)	(472.038.168)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(9.492.200.000)	(9.492.200.000)
Giảm khác	-	(55.047.088)	-	(55.047.088)
Số dư đầu năm nay	94.922.000.000	10.119.092.734	59.699.596.092	164.740.688.826
Lãi trong năm	-	-	13.892.763.960	13.892.763.960
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	1.237.573.859	(1.237.573.859)	-
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(9.492.200.000)	(9.492.200.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(495.029.544)	(495.029.544)
Giảm khác (ii)	-	(48.280.821)	-	(48.280.821)
Số dư cuối năm nay	94.922.000.000	11.308.385.772	62.367.556.649	168.597.942.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Phân phối lợi nhuận của năm 2021 bao gồm việc trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 12/2022/DHP/NQ-DHĐCĐ ngày 06/05/2022, theo đó :
- Trích Quỹ Đầu tư và Phát triển (10% lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh) là: 1.237.573.859 VND.
 - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh) là: 495.029.544 VND.
 - Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền (10% vốn điều lệ) là: 9.492.200.000 VND.
 - Trong năm 2022, Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông là: 9.492.200.000 VND tương ứng với 10% vốn góp chủ sở hữu.
- (ii) Giảm khác trong năm là khoản nộp phạt vi phạm hành chính.

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	9.492.200	9.492.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại (USD)	708,49	4.051,60

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng		
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán hàng	264.612.370.772	264.393.246.319
Cộng	264.612.370.772	264.393.246.319
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.388.415.134	2.568.728.366
- Chiết khấu thương mại	1.388.415.134	2.568.728.366
Cộng	263.223.955.638	261.824.517.953

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	224.220.525.074	226.743.886.892
Cộng	224.220.525.074	226.743.886.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.017.918.529	96.204.885.644
Chi phí nhân công	22.314.579.314	24.003.483.463
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.521.380.618	7.611.156.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.646.434.566	4.755.568.442
Chi phí khác bằng tiền	1.624.334.724	277.847.466
Cộng	<u>115.124.647.751</u>	<u>132.852.941.330</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.197.505.935	750.591.768
Lợi nhuận, cổ tức được chia	400.000.000	600.000.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	1.161.760.238	860.748.564
Lãi chênh lệch tỷ giá	119.170.893	12.911.774
Cộng	<u>2.878.437.066</u>	<u>2.224.252.106</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	683.358.990	238.974.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá	22.348.428	19.968.281
Chiết khấu thanh toán	3.199.945.324	3.037.518.608
Chi phí tài chính khác	3.742.166	-
Cộng	<u>3.909.394.908</u>	<u>3.296.461.499</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên vật liệu	368.411.905	75.538.284
Chi phí nhân viên	8.651.488.289	9.088.246.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	629.573.356	718.334.326
Thuế, phí và lệ phí	1.111.173.729	1.070.581.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.060.429.177	1.798.559.167
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.382.188.846	1.063.604.660
Cộng	<u>15.203.265.302</u>	<u>13.814.864.092</u>
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vật liệu, bao bì	2.802.241.931	1.406.650.054
Chi phí nhân viên	1.658.528.509	1.753.009.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	386.083.636	507.513.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	807.598.945	61.593.500
Chi phí bảo hành	-	277.847.466
Các khoản chi phí bán hàng khác	255.432.922	958.310.452
Cộng	<u>5.909.885.943</u>	<u>4.964.924.493</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.265.954.949	15.319.673.233
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế - lợi nhuận nhận được từ công ty liên kết	(400.000.000)	(600.000.000)
Thu nhập chịu thuế	16.865.954.949	14.719.673.233
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.373.190.989</u>	<u>2.943.934.647</u>

Trong năm, Công ty xác định thu nhập chịu thuế khác biệt so với lợi nhuận kế toán là 400.000.000 VND. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	13.892.763.960	12.375.738.586
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(495.029.544)
Lợi nhuận/ (lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.892.763.960	11.880.709.042
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.492.200	9.492.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.464	1.252
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm trước được trình bày lại do điều chỉnh khoản trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 với số tiền là 495.029.544 VND, số lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 trước khi trình bày lại là 1.304 VND.

Trong năm 2022, Công ty chưa trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 do đó chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm nay không bị ảnh hưởng bởi chỉ tiêu này.

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất đồ điện dân dụng: Quạt điện, lồng quạt...; Ngoài ra kinh doanh thương mại nhập khẩu một số loại quạt điện nhưng trong cùng khu vực. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu tại trụ sở chính đặt tại số 734 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng. Công ty không có đơn vị phụ thuộc nào tại các địa bàn ngoài tỉnh. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	29.215.112.368	21.806.342.793
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(16.983.358.787)	(6.654.091.279)
Nợ thuần	12.231.753.581	15.152.251.514
Vốn chủ sở hữu	168.597.942.421	164.740.688.826
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,07	0,09

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.983.358.787	6.654.091.279
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.514.973.481	14.295.675.046
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.000.000.000	10.777.753.967
Đầu tư tài chính dài hạn	20.039.000.000	20.039.000.000
Cộng	56.537.332.268	51.766.520.292
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	29.215.112.368	21.806.342.793
Phải trả người bán	15.066.655.248	15.609.491.679
Chi phí phải trả	1.247.236.224	1.020.503.249
Cộng	45.529.003.840	38.436.337.721

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro tín dụng.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.983.358.787	-	-	16.983.358.787
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.114.973.481	-	-	8.114.973.481
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.000.000.000	-	-	11.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	20.039.000.000	20.039.000.000
Tài sản tài chính khác	-	400.000.000	-	400.000.000
Cộng	36.098.332.268	400.000.000	20.039.000.000	56.537.332.268
Tại ngày cuối năm				
Các khoản vay	29.215.112.368	-	-	29.215.112.368
Phải trả người bán và phải trả khác	15.066.655.248	-	-	15.066.655.248
Chi phí phải trả	1.247.236.224	-	-	1.247.236.224
Cộng	45.529.003.840	-	-	45.529.003.840
Chênh lệch thanh khoản thuần	(9.430.671.572)	400.000.000	20.039.000.000	11.008.328.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.654.091.279	-	-	6.654.091.279
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.695.675.046	-	-	13.695.675.046
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.777.753.967	-	-	10.777.753.967
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	20.039.000.000	20.039.000.000
Tài sản tài chính khác	-	600.000.000	-	600.000.000
Cộng	31.127.520.292	600.000.000	20.039.000.000	51.766.520.292
Tại ngày đầu năm				
Các khoản vay	21.706.342.793	100.000.000	-	21.806.342.793
Phải trả người bán và phải trả khác	15.609.491.679	-	-	15.609.491.679
Chi phí phải trả	1.020.503.249	-	-	1.020.503.249
Cộng	38.336.337.721	100.000.000	-	38.436.337.721
Chênh lệch thanh khoản thuần	(7.208.817.429)	500.000.000	20.039.000.000	13.330.182.571

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc tạm ứng cổ tức năm 2022 theo tỷ lệ thực hiện 5%/cổ phiếu bằng tiền mặt, thời gian thực hiện tháng 01 năm 2023.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.233.453.268	1.138.248.104
Ông Hoàng Thanh Hải	290.727.766	268.482.409
Bà Lê Thị Bích Huệ	255.523.026	253.391.589
Ông Mai Văn Minh	295.325.810	274.486.309
Bà Trịnh Thị Lan Phương	220.157.018	212.711.658
Ông Nguyễn Minh Chung	171.719.648	129.176.139
Thu nhập của Ban Kiểm soát	619.055.419	771.794.055
Ông Võ Mạnh Hùng	75.013.870	219.053.248
Ông Nguyễn Văn Kháng	67.130.338	198.110.424
Ông Vũ Duy Anh	197.148.127	191.452.568
Ông Trần Tuấn Linh	177.471.453	163.177.815
Bà Bùi Thị Huệ	102.291.631	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Cổ tức chi trả cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	VND	VND
Cổ tức trả cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2.031.554.500	1.882.472.500
Ông Hoàng Thanh Hải	1.307.254.000	1.241.891.300
Bà Lê Thị Bích Huệ	352.625.000	334.993.750
Ông Mai Văn Minh	201.394.000	191.324.300
Bà Trịnh Thị Lan Phương	120.277.000	114.263.150
Ông Nguyễn Minh Chung	50.004.500	-
Cổ tức trả cho Ban Kiểm soát	35.849.125	67.198.250
Ông Võ Mạnh Hùng	18.463.725	36.927.450
Ông Nguyễn Văn Kháng	13.235.400	26.470.800
Ông Vũ Duy Anh	3.900.000	3.800.000
Bà Bùi Thị Huệ	250.000	-

Giao dịch với Công ty liên kết

Cổ tức chi trả cho công ty liên kết

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan	400.000.000	600.000.000

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Lê Thị Nhung
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Trịnh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319,
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-24 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Ha Noi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,
Cau Giay District, Hanoi City
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

11th Floor, HUD Building, No.159 Dien Bien Phu Street
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-24 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn